TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 7 - 2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Châu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Mai Đức Việt,
2. Ông Trần Minh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Bảo Cường, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2023, về việc "Tranh chấp về ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Hồ Thị N, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Q, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện Q, tỉnh Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 09/5/2023, bản tự khai ngày 09/6/2023, nguyên đơn bà Hồ Thị N trình bày: Bà và ông Phạm Văn D trước đây yêu nhau và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Q, tỉnh Q vào ngày 22/3/1994. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống làm ăn tại thôn V, xã X, huyện Qu, tỉnh Q. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D sống thiếu trách nhiệm với vợ con, theo bạn bè và đã nghiện rượu, mặc dù bà và gia đình đã khuyên ngăn nhiều nhưng ông ấy không chịu thay đổi, tình cảm vợ chồng ngày một phai nhạt nên buộc bà phải đưa con về sống nhờ ông bà ngoại, vợ chồng sống ly thân 20 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện tại bà N xác định tình cảm giữa bà và ông D thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn; con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phạm Xuân H, sinh ngày 19/5/1994 và Phạm Xuân D, sinh 28/9/1997, các con đang sống cùng bà, đã

trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn D vắng mặt tại phiên tòa cũng như phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được Tòa án tống đạt hợp lệ. Song qua biên bản lấy lời khai, ông Phạm Văn D trình bày: Quá trình sinh sống vợ tôi đơn phương ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn vì không muốn bỏ vợ bỏ con, yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án được đảm bảo đúng thủ tục quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14; chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Phạm Văn Dưởng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt một bên đương sự theo khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết quan hệ tranh chấp: Bà Hồ Thị N yêu cầu giải quyết ly hôn ông Nguyễn Văn D có địa chỉ thôn V, xã X, huyện Q, tỉnh Q. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên "Tranh chấp về ly hôn" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị N và ông Phạm Văn D có đăng ký kết hôn ngày 22/3/1994 tại UBND xã X, huyện Q, tỉnh Q là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống làm ăn tại thôn V, xã X, huyện Q, tỉnh Q, vợ chồng bắt đầu sống chung đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D sống thiếu trách nhiệm với vợ con, theo bạn bè ăn chơi và đã nghiện rượu, mặc dù bản thân bà và gia đình đã khuyên can nhiều nhưng ông D không chịu thay đổi nên dẫn đến mất mát tình cảm, bà phải đưa 02 con bỏ về sống nhờ ông bà ngoại; vợ chồng sống ly thân 20 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Ông D trình bày qua Biên bản lấy lời khai, bà N đơn phương ly hôn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật, ông không muốn bỏ vợ bỏ con; mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, kể cả Giấy triệu tập phiên tòa được tống đạt hợp lệ nhưng ông D vẫn không có mặt. Qua đó, chứng

tỏ ông Phạm Văn D không muốn vợ chồng trở lại đoàn tụ. Bà Hồ Thị N cũng xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn ông Dưởng.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho hai bên ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Hồ Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa bà Hồ Thị N và ông Phạm Văn D.

2. Về con chung: Không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hồ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà đã nộp theo biên lai số: 31AA/2021/0004087 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/7/2023); bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- UBND xã Xuân Ninh;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Châu